

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **177/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 10/6/2021.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHAÂN DANH  
NÖÖÙC CÖÄŦG HOÖA XÃ HOÃI CHUÛ NGHÓA VIEÄT NAM  
TOÖA AÙN NHAÂN DANH THAØNH PHÖÁ BIEÂN HOÖA**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

**1.** Ông Nguyễn Trung Diễn – Cán bộ hưu trí.

**2.** Bà Trần Thị Hồng Ngọc - Nguyên Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Vũ Kim Hải – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Tùng Sơn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1994/2020/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2021, giữa:

**1. Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị Mỹ N, sinh năm 1997.

Địa chỉ: khu phố 4, phường B, thành phố B, tỉnh Đ.

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Trùng D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: , khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đ.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuyên Mộc.

(Bà N, ông D có đơn vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### ***\* Nguyên đơn bà Đoàn Thị Mỹ N trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Trùng D tự nguyện chung sống với nhau và đến năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, nay bà xin ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau.

Về con chung: có 01 cháu tên Đoàn Thảo N, sinh ngày 09/12/2014. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

### ***\* Bị đơn ông Nguyễn Trùng D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đoàn Thị Mỹ N chung sống với nhau từ năm 2014. Đến năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông không lo làm ăn. Nay bà D xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên Đoàn Thảo N, sinh ngày 09/12/2014. Ly hôn ông đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng. Sau khi chấp hành án xong trở về với xã hội thì ông có quyền được thăm nom con và ông sẽ cấp dưỡng nuôi con sau.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

### **Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà N và ông D không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà N yêu cầu ly hôn với ông D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao cháu Đoàn Thảo N, sinh ngày 09/12/2014 cho bà Đoàn Thị Mỹ N nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Trùng D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**\* Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà N xin ly hôn với ông D có địa chỉ cư trú tại: khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] *Về thuê tuối toái tuối:* Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, *toái aùn tieán haonh* xét xử vắng mặt bà N, ông D theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông D có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố B (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 140 ngày 11/6/2018) nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà N trình bày: Sau khi kết hôn với nhau, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay nên bà xin ly hôn với ông D. Ông D cũng thừa nhận hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông không lo làm ăn. Nay bà N xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, giải quyết cho bà N được ly hôn với ông D để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: có 01 cháu tên Đoàn Thảo N, sinh ngày 09/12/2014. Ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, Cháu N còn nhỏ và từ khi hai vợ chồng sống ly thân cháu N ở với bà N, được bà N chăm sóc tốt về mọi mặt. Ly hôn, ông D cũng đồng ý giao cháu N cho bà N nuôi dưỡng. Do đó, giao cháu Đoàn Thảo N cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

– Về án phí hôn nhân *gia đình sơ thẩm*: Bà N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Caên cõu vào các Điều 28, 35, 39, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Caên cõu vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 131 Luật Hôn nhân và gia đình.*

*Aùp dũng* Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Đoàn Thị Mỹ N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Mỹ N được ly hôn với ông Nguyễn Trùng D.

2. Về con chung: Giao cháu Đoàn Thảo N, sinh ngày 09/12/2014 cho bà Đoàn Thị Mỹ N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Trùng D không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trùng D được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Mỹ N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 0006680 ngày 23/9/2020.

6. Bà Đoàn Thị Mỹ N và ông Nguyễn Trùng D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Toà án tỉnh;
- VKS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP. Biên Hòa;
- UBND phường A,  
TP. B, T. Đ.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HOÀI ÑOÀNG XEÙT XÖÙ SÔ**  
**THAẢM**  
***Thaảm phaùn – Chuû toĩa phieân***  
***toøa***

**Trần Thị Mỹ Hạnh**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nôi nhaän:

**XEÙT XÖÙ SÔ THAÂM**

- Toaø aùn tænh

**phaùn – Chuû toïa phieân toøa**

- VKS TP Bieân Hoøa

- Caùc ñöông söï

- Thi haønh aùn

- Löu hoà sô

- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa

- Löu VP

**Thị Mỹ Hạnh**

**T.M HOÃI ÑOÀNG**

**Thaâm**

**Trần**